

Số: 2329/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án chấm điểm các sở, ban, ngành, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư và UBND các xã về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án chấm điểm các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 353/TTr-STC ngày 09/07/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án chấm điểm các sở, ban, ngành, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư và UBND các xã, phường về thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Mục tiêu

1. Phản ánh kết quả thực hiện nhiệm vụ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công được giao cho các Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường làm cơ sở để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh Phú Thọ.

2. Kết quả chấm điểm giải ngân đầu tư công cả năm là một trong các tiêu chí để đánh giá hiệu quả đầu tư công; được sử dụng để các Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân. Kết quả chấm điểm giải ngân hằng tháng, hằng quý phục vụ biểu dương đối với Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường thực hiện giải ngân tốt và đôn đốc, nhắc nhở, cảnh báo đối với các đơn vị thực hiện chưa tốt.

3. Nâng cao trách nhiệm, ý thức, tính chủ động chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần chủ động của tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công; trong thực thi chế độ báo cáo về tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.

4. Đồng bộ với phương thức theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công việc phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh Phú Thọ trong bối cảnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, BQLDA khu vực được giao kế hoạch vốn đầu tư công hoặc được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi, đôn đốc, thẩm định, tham mưu, tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư; chủ đầu tư, ban quản lý dự án; các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường được giao kế hoạch vốn đầu tư công hoặc được giao làm chủ đầu tư, cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn.

Điều 4. Nguyên tắc chấm điểm

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, hài hòa với bối cảnh giải ngân kế hoạch đầu tư công chung của tỉnh Phú Thọ.

2. Chấm điểm định kỳ hằng tháng, hằng quý và cả năm.

3. Chấm điểm giải ngân dựa trên:

a) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn được giao của từng Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường theo Quyết định giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền (trên cơ sở so sánh với tỷ lệ giải ngân chung của cả tỉnh hằng tháng, hằng quý đối với kỳ chấm điểm hằng tháng, hằng quý và so sánh với mục tiêu giải ngân cả năm theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đối với kỳ chấm điểm cả năm);

b) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn các Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường so với số vốn đăng ký giải ngân trong kỳ chấm điểm;

c) Việc chấp hành chế độ báo cáo về giải ngân đầu tư công;

4. Cho phép giảm trừ ra khỏi nhiệm vụ giải ngân và phương án tính điểm Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường đối với:

a) Phần kế hoạch vốn các Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường không còn nhu cầu sử dụng (do tiết kiệm một số nhiệm vụ chi của dự án như: tiết kiệm trong đấu thầu, không sử dụng chi phí dự phòng, giảm sau quyết toán dự án hoàn thành) và có văn bản xác nhận không còn nhu cầu sử dụng. Nguyên tắc loại trừ này được áp dụng cho kỳ chấm điểm cả năm.

b) Phần kế hoạch vốn để thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công mà các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư công này được cấp có thẩm quyền cho phép dừng thực hiện hoặc giao cho Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường khác thực hiện. Việc loại trừ này được áp dụng cho các kỳ chấm điểm ngay sau thời điểm cấp có thẩm quyền quyết định việc dừng hoặc điều chuyển nhiệm vụ, chương trình, dự án.

5. Đối với kế hoạch vốn hằng năm được giao bổ sung sau ngày 30 tháng 9:

a) Trường hợp được giao trong tháng 10: bắt đầu thực hiện chấm điểm giải ngân từ kỳ chấm điểm tháng 11 đối với $\frac{1}{4}$ kế hoạch vốn được giao bổ sung.

b) Trường hợp được giao trong tháng 11: bắt đầu thực hiện chấm điểm giải ngân từ kỳ chấm điểm tháng 12 đối với $\frac{1}{5}$ kế hoạch vốn được giao bổ sung.

c) Trường hợp kế hoạch vốn được giao sau ngày 30/11 hằng năm: không tính vào phương án chấm điểm giải ngân.

6. Thực hiện tính điểm trừ và điểm cộng vào kết quả chấm điểm của kỳ chấm điểm cả năm đối với việc điều chuyển và nhận điều chuyển kế hoạch vốn theo nguyên tắc sau:

a) Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường điều chuyển giảm vốn (*nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại nội dung cho phép giảm trừ ra khỏi nhiệm vụ giải ngân và phương án tính điểm tại điều này*): Tại thời điểm chấm điểm của kỳ chấm điểm năm, lũy kế số vốn điều chuyển giảm (*sau khi đã bù trừ phần kế hoạch vốn nhận điều chuyển tăng (nếu có)*) nếu lớn hơn 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ bị trừ 05 điểm, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ bị trừ 02 điểm.

b) Sở, ngành, Ban QLDA khu vực và UBND các xã, phường nhận điều chuyển tăng vốn: Tại thời điểm chấm điểm của kỳ chấm điểm năm, lũy kế số vốn nhận điều chuyển tăng (*sau khi đã bù trừ phần kế hoạch vốn điều chuyển giảm (nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại nội dung cho phép giảm trừ ra khỏi nhiệm vụ giải ngân và phương án tính điểm nêu trên) (nếu có)*) nếu lớn hơn 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ được cộng thêm 05 điểm, nếu nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng kế hoạch vốn của đơn vị sẽ được cộng thêm 02 điểm.

7. Việc đánh giá kết quả giải ngân cả năm độc lập với kết quả giải ngân hằng tháng, hằng quý.

Điều 5. Các chỉ tiêu chấm điểm và nguyên tắc tính

1. Kỳ chấm điểm hằng tháng

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân kế hoạch vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch (*sau đây gọi tắt là giải ngân KHV kéo dài*). Điểm tối đa: 100 điểm. Gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 1.1: Tiến độ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với mức bình quân chung của cả tỉnh. Điểm tối đa là 50 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung cả tỉnh tính đến hết tháng.

- Chỉ tiêu 1.2: Tiến độ giải ngân KHV kéo dài thực tế so với tiến độ đơn vị đăng ký thực hiện. Điểm tối đa là 45 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên tỷ lệ giữa số KHV kéo dài thực tế giải ngân trong tháng và số KHV kéo dài đăng ký giải ngân trong tháng.

- Chỉ tiêu 1.3: Chấp hành chế độ báo cáo về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên Hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính (*sau đây gọi tắt là chấp hành chế độ báo cáo*). Điểm tối đa: 05 điểm. Nguyên tắc tính: Báo cáo đúng thời hạn quy định: 05 điểm. Chưa báo cáo trong thời hạn quy định: 0 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao trong năm kế hoạch (*sau đây gọi tắt là giải ngân KHV năm*). Gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tiến độ giải ngân KHV năm của đơn vị so với mức bình quân chung của cả tỉnh. Điểm tối đa là 50 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân của đơn vị với tỷ lệ giải ngân của cả tỉnh (tương ứng với từng nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (NSTW) và vốn cân đối ngân sách địa phương (CĐNSĐP)...).

- Chỉ tiêu 2.2: Tiến độ giải ngân KHV năm thực tế so với tiến độ giải ngân đơn vị đăng ký thực hiện. Điểm tối đa là 45 điểm. Nguyên tắc tính điểm: Dựa trên tỷ lệ giữa số KHV năm thực tế giải ngân trong tháng và số KHV năm đăng ký giải ngân trong tháng.

- Chỉ tiêu 2.3: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự chỉ tiêu 1.3). Điểm tối đa: 05 điểm.

2. Kỳ chấm điểm hằng quý

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân KHV kéo dài từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch. Điểm tối đa là 100 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên so sánh giữa

tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung cả tỉnh tính đến hết Quý.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân KHV năm. Điểm tối đa là 100 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa trên so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV năm của đơn vị với tỷ lệ giải ngân KHV năm bình quân chung cả tỉnh tính đến hết Quý.

3. Kỳ chấm điểm cả năm

a) Chỉ tiêu 1: Giải ngân KHV kéo dài. Điểm tối đa: 100 điểm. Gồm 02 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 1.1: Tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài so với tỷ lệ giải ngân phải hoàn thành tính đến hết ngày 31/12 của năm kế hoạch. Điểm tối đa là 95 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài của đơn vị so với tỷ lệ giải ngân KHV kéo dài bình quân chung cả tỉnh tính đến hết năm.

- Chỉ tiêu 1.2: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự như kỳ chấm điểm hằng tháng). Điểm tối đa: 05 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Giải ngân KHV năm. Điểm tối đa: 100 điểm. Gồm 03 chỉ tiêu thành phần như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ giải ngân KHV năm so với tỷ lệ giải ngân cả tỉnh phải hoàn thành theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tính đến hết 31/01 của năm sau kế hoạch. Điểm tối đa là 95 điểm. Nguyên tắc tính điểm dựa vào so sánh giữa tỷ lệ giải ngân của đơn vị với tỷ lệ giải ngân cả tỉnh phải hoàn thành theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh (tương ứng với từng nguồn vốn: vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (NSTW) và vốn cân đối ngân sách địa phương (CĐNSDP)).

- Chỉ tiêu 2.2: Chấp hành chế độ báo cáo (tương tự như kỳ chấm điểm hằng tháng). Điểm tối đa: 05 điểm.

- Chỉ tiêu 2.3: Điểm cộng (hoặc trừ) tương ứng do nhận điều chuyển (hoặc điều chuyển giảm) kế hoạch vốn.

Điều 6. Cách đánh giá kết quả giải ngân dựa trên kết quả chấm điểm

Định kỳ, trên cơ sở so sánh giữa tổng điểm chỉ tiêu của đơn vị và mốc điểm đánh giá để phân loại mức độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công gồm: giải ngân rất tốt, giải ngân tốt, giải ngân trung bình và giải ngân chưa tốt.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành; cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư; chủ đầu tư; các Ban quản lý dự án khu vực; UBND các xã, phường có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm kế hoạch đầu tư công được giao; chủ động rà soát, tháo gỡ hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII trong đối chiếu, xác nhận số liệu giải ngân thực tế định kỳ hằng tuần, hằng tháng và cả năm, đảm bảo kịp thời, chính xác và thống nhất; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng khi có yêu cầu giải trình, điều chỉnh hoặc làm rõ kết quả chấm điểm;

2. Sở Tài chính chủ trì:

a) Hướng dẫn chi tiết cách thức chấm điểm, mốc điểm đánh giá, phân loại mức độ thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; ban hành mẫu biểu tổng hợp, thời hạn gửi báo cáo, thời điểm chốt số liệu và phương pháp xử lý số liệu điều chỉnh;

b) Tổng hợp, tính điểm định kỳ hằng tháng, hằng quý và cả năm; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả chấm điểm, danh sách đơn vị giải ngân tốt, đơn vị giải ngân chậm, nguyên nhân chủ yếu và kiến nghị giải pháp xử lý;

c) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, các Sở, ban, ngành, cơ quan quản lý cấp trên của chủ đầu tư, chủ đầu tư và UBND các xã, phường rà soát, đối chiếu, thống nhất số liệu giải ngân;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công khai hoặc thông báo kết quả chấm điểm theo hình thức phù hợp; định kỳ rà soát, đề xuất điều chỉnh phương án chấm điểm khi có thay đổi về quy định của Trung ương hoặc yêu cầu chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực VIII phối hợp cung cấp số liệu giải ngân thực tế, số liệu kiểm soát chi và các thông tin cần thiết khác theo đề nghị của Sở Tài chính; phối hợp đối chiếu, làm rõ chênh lệch số liệu, bảo đảm số liệu chấm điểm kịp thời, chính xác, thống nhất.

4. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kết quả chấm điểm giải ngân đầu tư công hằng năm trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân theo quy định.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Thời gian chạy thử phương án chấm điểm: 03 tháng kể từ kỳ báo cáo tháng 7 năm 2026, tương ứng kỳ báo cáo tháng 7, tháng 8, tháng 9 và Quý III năm 2026.

3. Thời gian chính thức thực hiện và áp dụng kết quả chấm điểm: từ kỳ báo cáo tháng 10 năm 2026.

Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, trung tâm cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII; Giám đốc các Ban Quản lý dự án khu vực; Giám đốc các Công ty có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý; Hiệu trưởng các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Duy Đông